

Trang/ Page No: 1/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X235F0775

Mã KQ/ RP. No: 002008609.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Khu công nghiệp Biên hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/06/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 08/06/2023 - 14/06/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : ĐƯỜNG PHÈN - ROCK SUGAR
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Trạng thái / Characteristic	Tinh thể đường dạng hạt, nhiều kích cỡ khác nhau	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
2	LS Màu sắc / Colour	Tinh thể đường có màu trắng, khi pha trong nước cất dung dịch trong suốt	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
3	LS Mùi, vị / Odor, Taste	Vị ngọt, không có mùi vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
4	LS Độ ẩm (*) / Moisture (*)	0.054	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
5	LS Đường khử (*) / Reducing sugars (*)	0.019	%	-	ICUMSA method GS2/9-6 (2011)
6	LS Tro dẫn điện (*) / Conductivity ash (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.02	ICUMSA method GS1/3/4/7/8-13 (1994)
7	LS Tạp chất / Impurities	Không có	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
8	LS Năng lượng / Calories	400	kcal/100g	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
9	LS Carbohydrate (*) / Carbohydrate (*)	99.9	%	-	TS-KT-HCB-004:2020
10	LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.1	TS-KT-HCB-001:2018
11	LS Béo tổng (*) / Total fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.1	TS-KT-HCB-002:2018

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X235F0775

Mã KQ/ RP. No: 002008609.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
13	LS Tổng số bào tử nấm men / Spores of yeasts	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
14	LS Tổng số bào tử nấm mốc / Spores of moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
15	LS Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017
16	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
17	LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
18	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
19	LS Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
20	LS Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
21	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
22	LS Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.03	TS-KT-QP-29:2022
23	LS Sunfua dioxit (SO ₂) (*) / Sulfur dioxide (SO ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	1	TS-KT-HCB-42:2020
24	LS Aflatoxin B ₁ (*) / Aflatoxin B ₁ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
25	LS Aflatoxin (tổng B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*) / Aflatoxin (sum of B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
26	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
27	LS Đồng (Cu) (*) / Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.03	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X235F0775

Mã KQ/ RP. No: 002008609.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
Chú thích/ Remarks: 1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope. 2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor. 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection. 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. 5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.					

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04